**Ngày 05/01/2024**

**Đoạn 1 [(VMP) 02. [TS2025.02] Đề thi thử tốt nghiệp THPT 2025 THPT Ngô Gia Tự - Vĩnh Phúc -> question 15]**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Last weekend, thousands of music fans gathered in Central Park for the annual Summer Beats Festival. The three-day event featured both local and international artists performing on four different stages. Visitors enjoyed a variety of music genres, from pop and rock to jazz and electronic dance music. The highlight of the festival was the performance by the famous rock band "Thunder Strike" on Saturday night. Despite the large crowds, the event was well-organized, with plenty of food stalls and clean facilities. | Cuối tuần trước, hàng ngàn người hâm mộ âm nhạc đã tụ tập tại Công viên Trung tâm để tham gia lễ hội Summer Beats hàng năm. Sự kiện kéo dài ba ngày quy tụ cả các nghệ sĩ trong nước và quốc tế biểu diễn trên bốn sân khấu khác nhau. Du khách thưởng thức nhiều thể loại âm nhạc, từ pop và rock đến jazz và nhạc điện tử. Điểm nhấn của lễ hội là màn trình diễn của ban nhạc rock nổi tiếng “Thunder Strike" vào đêm thứ Bảy. Mặc dù có rất đông người tham dự, sự kiện được tổ chức tốt với nhiều quầy thức ăn và cơ sở vật chất sạch sẽ. | +) gathered: tập hợp lại  +) annual: hàng năm  +) plenty of: rất nhiều |

**Đoạn 2 [(VMP) 02. [TS2025.02] Đề thi thử tốt nghiệp THPT 2025 THPT Ngô Gia Tự - Vĩnh Phúc -> from 22 to 27]**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Experience the Magic of Sunville Resort!**  Looking for the perfect getaway? Sunville Resort is the ideal destination for your next vacation!  Our beautiful resort is located just 2 hours from the city, nestled in the heart of stunning natural scenery. We offer comfortable rooms with amazing views of the mountains or the sea.  Enjoy our wide range of activities, including swimming in our large outdoor pool, relaxing in the spa, or trying exciting water sports. Our friendly staff is always ready to help you have the best possible stay.  Don't miss our special summer offer: Book a 5-night stay and get one night free! This offer is available for bookings made before June 30th.  Visit our website or call us today to make your reservation! | **Trải nghiệm sự kỳ diệu của Sunville Resort!**  Bạn đang tìm kiếm một nơi lý tưởng để thư giãn? Sunville Resort là điểm đến hoàn hảo cho kỳ nghỉ tiếp theo của bạn!  Khu nghỉ dưỡng tuyệt đẹp của chúng tôi nằm cách thành phố chỉ 2 giờ di chuyển, nằm gọn giữa phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp. Chúng tôi cung cấp các phòng nghỉ thoải mái với tầm nhìn tuyệt vời ra núi hoặc biển.  Hãy tận hưởng hàng loạt hoạt động của chúng tôi, bao gồm bơi lội trong hồ bơi ngoài trời rộng lớn, thư giãn tại spa hoặc thử các môn thể thao dưới nước thú vị. Đội ngũ nhân viên thân thiện của chúng tôi luôn sẵn sàng giúp đỡ để bạn có kỳ nghỉ tốt nhất.  Đừng bỏ lỡ ưu đãi đặc biệt mùa hè: Đặt phòng 5 đêm và được tặng một đêm miễn phí! Ưu đãi này áp dụng cho các đặt phòng được thực hiện trước ngày 30 tháng 6.  Hãy truy cập website của chúng tôi hoặc gọi điện ngay để đặt phòng! | +) getaway: nơi nghỉ ngơi  +) destination: điểm đến  +) vacation: kì nghỉ  +) nestle: ẩn mình  +) stunning (adj): kinh ngạc  +) scenery: phong cảnh   * stunning natural scenery: phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp (“natural scenery” là “cụm danh từ”)   +) amazing (adj): kinh ngạc, tuyệt vời  +) amazed (adj): ngạc nhiên  +) amazement (n): sự ngạc nhiên  +) amazingly (adv): đầy ngỡ ngàng, ngạc nhiên  +) wide range of activities: nhiều hoạt động  +) including: bao gồm  +) outdoor pool: bể bơi ngoài trời  +) exciting: thú vị  +) do/ play sports: chơi thể thao (thói quen, chung chung  +) try sports: thử nghiệm các môn thể thao  +) staff: nhân viên  +) ready to V: sẵn sàng để làm gì  +) possible: khả thi  +) stay: ở lại   * the best possible stay: kỳ nghỉ tốt nhất có thể   +) offer: lời đề nghị, ưu đãi   * special summer offer: ưu đãi mùa hè đặc biệt   +) available for: áp dụng cho  +) June: tháng 6  +) reservation: sự đặt chỗ |

**Ngày 06/01/2024**

**Đoạn 1 [(VMP) 02. [TS2025.02] Đề thi thử tốt nghiệp THPT 2025 THPT Ngô Gia Tự - Vĩnh Phúc -> from 28 to 32]**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Becoming independent is an important milestone in everyone's life. It allows individuals to make their own decisions and learn from their own experiences. This process is essential for maturing into a responsible and self-reliant adult.  When people start to manage their own time and resources, they often find that they are more capable than they realized. Taking control of their finances, for instance, can teach young adults valuable lessons about budgeting. By paying bills, saving money, and making financial plans for the future, they develop a sense of independence which is crucial for long-term stability.  Additionally, independence is not just about living alone or relying on others. It's about making choices that align with personal values and goals. When young people make choices about their education, career, or personal life, they lay the foundation for their future.  In conclusion, the journey towards independence can be challenging but it is also rewarding. As individuals grow and progress on this path, their strengths, passions, and the direction they wish to take in life can be discovered. | Trở nên độc lập là một dấu mốc quan trọng trong cuộc đời của mỗi người. Nó cho phép các cá nhân tự đưa ra quyết định và học hỏi từ trải nghiệm của bản thân. Quá trình này rất quan trọng để trưởng thành thành một người có trách nhiệm và tự lực.  Khi mọi người bắt đầu tự quản lý thời gian và nguồn lực của mình, họ thường nhận ra rằng mình có khả năng hơn họ tưởng. Kiểm soát tài chính của mình, ví dụ, có thể dạy cho người trẻ những bài học quý giá về lập ngân sách. Bằng cách thanh toán hóa đơn, tiết kiệm tiền, và lập kế hoạch tài chính cho tương lai, họ phát triển được ý thức độc lập, điều này rất quan trọng đối với sự ổn định lâu dài.  Ngoài ra, sự độc lập không chỉ là sống một mình hay dựa dẫm vào người khác. Đó còn là việc đưa ra các lựa chọn phù hợp với giá trị và mục tiêu cá nhân. Khi người trẻ đưa ra các lựa chọn về giáo dục, sự nghiệp, hoặc cuộc sống cá nhân của mình, họ đang đặt nền móng cho tương lai.  Tóm lại, hành trình hướng tới sự độc lập có thể đẩy thách thức nhưng cũng rất đáng giá. Khi các cá nhân trưởng thành và tiến xa hơn trên con đường này, họ có thể khám phá ra điểm mạnh, niềm đam mê, và định hướng mà họ muốn theo đuổi trong cuộc sống. | +) Becoming: Trở nên  +) independent: độc lập  +) milestone: cột mốc  +) process: quá trình  +) maturing: trưởng thành  +) into: thành  +) responsible: chịu trách nhiệm  +) self-reliant: tự chủ  +) capable: có khả năng  +) realized: nhận ra  +) Taking control of: Kiểm soát  +) finances: tài chính  +) instance: ví dụ  +) valuable: có giá trị lớn   * valuable lessons: bài học quý giá   +) budgeting: lập ngân sách  +) paying bills: thanh toán hóa đơn  +) saving money: tiết kiệm tiền  +) making financial plans: lập kế hoạch tài chính  +) develop: phát triển  +) a sense of: một cảm giác  +) long-term: lâu dài  +) stability: sự ổn định  +) Additionally: Ngoài ra  +) make choices: đưa ra lựa chọn  +) align with: liên kết với  +) personal values: giá trị cá nhân  +) lay the foundation: đặt nền móng  +) In conclusion: Tóm lại  +) towards: đối với   * the journey towards independence: hành trình hướng tới độc lập   +) rewarding: bổ ích   * it is also rewarding: nó cũng bổ ích   +) progress on: tiến bộ trên  +) strengths: điểm mạnh  +) passions: niềm đam mê  +) the direction they wish to: hướng họ mong muốn  +) discover: phát hiện |

**Đoạn 2 [(VMP) 02. [TS2025.02] Đề thi thử tốt nghiệp THPT 2025 THPT Ngô Gia Tự - Vĩnh Phúc -> from 33 to 40]**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| The rise of social media has dramatically transformed the way we communicate, share information, and perceive the world around us. Platforms like Facebook, Twitter, and Instagram have become integral parts of daily life for billions of people worldwide. These digital spaces offer unprecedented opportunities for connection, allowing individuals to maintain relationships across vast distances and time zones. They've also **democratized** information sharing, enabling anyone with an internet connection to broadcast their thoughts, experiences, and creativity to a global audience.  However, the impact of social media extends far beyond personal communication. It has reshaped industries, altered political landscapes, and influenced social movements. Businesses now leverage these platforms for marketing, customer service, and brand building. Politicians use them to communicate directly with constituents, bypassing traditional media channels. Activists harness the viral nature of social media to raise awareness and mobilize support for various causes.  Despite its many benefits, the pervasive influence of social media has also raised concerns. Issues of privacy have come to the forefront, as users' personal data becomes a valuable commodity for advertisers and data analysts. The spread of misinformation and "fake news" has become a significant challenge, with potential ramifications for democratic processes and public health. Additionally, there are growing concerns about the addictive nature of these platforms and their impact on mental health, particularly among younger users.  The future of social media remains a topic of intense debate and speculation. As artificial intelligence and virtual reality technologies advance, we may see a shift towards more immersive and personalized social experiences. There's also a growing push for greater regulation and transparency in how social media companies operate and handle user data.  As we navigate this digital landscape, it's crucial to approach social media with both enthusiasm and caution. While embracing the connectivity and opportunities it offers, we must also be mindful of its potential pitfalls and strive for a balanced, healthy relationship with these powerful tools.  Question 33. According to the passage, what is one way politicians use social media? A. To replace traditional media entirely  B. To regulate businesses  C. To spread misinformation  D. To communicate directly with constituents  Question 39. Which of the following statements is NOT true according to the passage?  A. Businesses use social media for various purposes including marketing.  B. Social media has transformed communication and information sharing.  C. There are concerns about the addictive nature of social media platforms.  D. Social media has had no impact on political landscapes.  Question 40. What does the passage suggest about the future of social media?  A. It will lose popularity among users.  B. It will definitely become more regulated.  C. It will solve all current privacy issues.  D. It may involve more immersive technologies. | Sự phát triển của mạng xã hội đã thay đổi sâu sắc cách chúng ta giao tiếp, chia sẻ thông tin và nhìn nhận thế giới xung quanh. Các nền tảng như Facebook, Twitter và Instagram đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của hàng tỷ người trên toàn thế giới. Những không gian số này mang lại cơ hội kết nối chưa từng có, cho phép mọi người duy trì các mối quan hệ bất chấp khoảng cách địa lý và múi giờ. Chúng cũng **dân chủ hóa** việc chia sẻ thông tin, giúp bất kỳ ai có kết nối internet đều có thể truyền tải suy nghĩ, trải nghiệm và sự sáng tạo của mình tới khán giả toàn cầu.  Tuy nhiên, tác động của mạng xã hội không chỉ dừng lại ở giao tiếp cá nhân. Nó đã định hình lại các ngành công nghiệp, thay đổi bối cảnh chính trị và ảnh hưởng đến các phong trào xã hội. Doanh nghiệp tận dụng các nền tảng này để tiếp thị, chăm sóc khách hàng và xây dựng thương hiệu. Các chính trị gia sử dụng chúng để giao tiếp trực tiếp với cử tri, bỏ qua các kênh truyền thông truyền thống. Các nhà hoạt động khai thác tính lan truyền của mạng xã hội để nâng cao nhận thức và huy động sự ủng hộ cho nhiều mục đích khác nhau.  Mặc dù mang lại nhiều lợi ích, sức ảnh hưởng sâu rộng của mạng xã hội cũng làm dấy lên không ít lo ngại. Vấn đề quyền riêng tư trở nên nổi bật khi dữ liệu cá nhân của người dùng trở thành món hàng có giá trị cho các nhà quảng cáo và nhà phân tích dữ liệu. Việc lan truyền thông tin sai lệch và "tin giả" đã trở thành một thách thức lớn, với những hệ lụy tiềm tàng cho các tiến trình dân chủ và sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, ngày càng có nhiều lo ngại về tính gây nghiện của các nền tảng này và tác động tiêu cực đến sức khỏe tâm lý, đặc biệt là ở người trẻ.  Tương lai của mạng xã hội vẫn là chủ để được tranh luận và dự đoán sôi nổi. Khi công nghệ trí tuệ nhân tạo và thực tế ảo phát triển, chúng ta có thể chứng kiến sự chuyển đổi sang các trải nghiệm xã hội cá nhân hóa và sống động hơn. Đồng thời, ngày càng có nhiều áp lực kêu gọi minh bạch và quy định chặt chẽ hơn trong cách các công ty mạng xã hội vận hành và xử lý dữ liệu người dùng.  Khi chúng ta điều hướng trong thế giới số này, điều quan trọng là tiếp cận mạng xã hội với cả sự hứng khởi và thận trọng. Trong khi tận dụng sự kết nối và cơ hội mà nó mang lại, chúng ta cũng cần ý thức về những cạm bẫy tiềm tàng và cố gắng xây dựng một mối quan hệ cân bằng, lành mạnh với những công cụ quyền lực này.  Question 33. Theo đoạn văn, một cách mà các chính trị gia sử dụng mạng xã hội là gì?  A. Để thay thế hoàn toàn truyền thông truyền thống  B. Để điều tiết các doanh nghiệp  C. Để lan truyền thông tin sai lệch  D. Để giao tiếp trực tiếp với cử tri  Question 39. Câu nào sau đây KHÔNG đúng theo đoạn văn?  A. Các doanh nghiệp sử dụng mạng xã hội cho nhiều mục đích bao gồm marketing.  B. Mạng xã hội đã thay đổi cách giao tiếp và chia sẻ thông tin.  C. Có những lo ngại về tính gây nghiện của các nền tảng mạng xã hội.  D. Mạng xã hội không có tác động đến các bối cảnh chính trị.  Question 40. Đoạn văn gợi ý điều gì về tương lai của mạng xã hội?  A. Nó sẽ mất đi sự phổ biến với người dùng.  B. Nó chắc chắn sẽ được quản lý chặt chẽ hơn.  C. Nó sẽ giải quyết tất cả các vấn đề về quyền riêng tư hiện tại.  D. Nó có thể liên quan đến công nghệ nhập vai hơn. | +) dramatically: đáng kể  +) transform: chuyển đổi  +) communicate: giao tiếp  +) perceive: nhận thức  +) become integral parts of: trở thành một phần không thể thiếu của   * integral parts: bộ phận không thể thiếu   +) digital spaces: không gian kỹ thuật số  +) unprecedented: chưa từng có  +) opportunities: cơ hội  +) maintain: duy trì  +) across vast distances: trên khoảng cách rộng lớn   * distances: khoảng cách   +) broadcast: phát tin  +) thoughts: suy nghĩ  +) audience: khán giả +) extends: mở rộng  +) beyond: vượt ra   * extends far beyond: vượt xa hơn   +) reshaped: định hình lại  +) altered: bị thay đổi  +) movements: phong trào  +) leverage: đòn bẩy, tận dụng  +) service: dịch vụ  +) Politicians: Chính trị gia  +) bypassing: bỏ qua  +) Activists: Nhà hoạt động  +) harness: khai thác  +) mobilize: huy động  +) pervasive: tràn lan, lan tỏa  +) concerns: lo ngại  +) forefront: nổi bật, đi đầu  +) commodity: hàng hóa  +) advertisers: nhà quảng cáo  +) analysts: nhà phân tích  +) ramifications: hậu quả, hệ lụy  +) democratic: dân chủ  +) the addictive nature of: tính gây nghiện của  +) mental: tâm lý  +) remains a topic of: vẫn là một chủ đề của  +) intense: mãnh liệt  +) debate: tranh luận  +) speculation: suy đoán  +) advance: nâng cao  +) a shift towards: một sự thay đổi hướng tới  +) immersive: nhập vai  +) a growing push: một sự thúc đẩy ngày càng tăng  +) greater regulation: quy định chặt chẽ hơn  +) transparency: minh bạch  +) operate: vận hành  +) handle: xử lý  +) navigate: điều hướng  +) landscape: phong cảnh, thế giới  +) enthusiasm: sự nhiệt tình  +) caution: thận trọng  +) mindful: ý thức  +) pitfalls: cạm bẫy  +) strive: phấn đấu  Question 33.  +) politicians: chính trị gia  +) replace: thay thế  +) entirely: toàn bộ  +) regulate: điều tiết  +) misinformation: thông tin sai lệch  +) constituents: cử tri  Question 34.  +) democratized: dân chủ hóa  A. Politicized: chính trị hóa  B. Restricted: Hạn chế  C. Made accessible: làm cho dễ tiếp cận  D. Complicated: Phức tạp  Question 38.  +) pervasive: tràn lan  A. Beneficial: Có lợi  B. Insignificant: không đáng kể  C. Widespread: Phổ biến rộng rãi  D. Temporary: Tạm thời  Question 39.  +) purposes: mục đích  +) including: bao gồm  +) transformed communication: truyền thông chuyển đổi  +) information sharing: chia sẻ thông tin  +) concerns about: mối quan tâm về  +) addictive: gây nghiện   * addictive nature: tính chất gây nghiện   +) political: thuộc về chính trị  +) landscapes: phong cảnh   * political landscapes: cảnh quan chính trị   Question 40.  +) popularity: sự nổi tiếng  +) among: giữa  +) definitely: chắc chắn  +) regulated: quy định, chỉnh đốn  +) current: hiện hành, hiện tại  +) privacy: sự riêng tư  +) involve: liên quan  +) immersive: nhập vai |

[**Ngày 08/01/2024**](https://quizlet.com/vn/990682830/pham-lieu-ngay-08012024-truong-thpt-chuyen-nguyen-du-dak-lak-flash-cards/)

**Đoạn 1+2 [(Phạm Liễu) TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU - ĐĂK LĂK -> from 1 to 6]**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Discover the vibrant heart of Vietnam in Ho Chi Minh City! Immerse yourself in bustling markets, savor the flavors of delicious street food, and explore historic landmarks that tell the story of this dynamic city. From the charming alleyways of District 1 to the majestic beauty of the Saigon River, every corner of Ho Chi Minh City invites you to go on an unforgettable journey. Come and experience the energy and excitement of this thriving metropolis!  Many people think that they can **learn** a lot about the culture of a foreign country simply by living in that culture. **However**, this is not necessarily true. Often the longer we stay in a foreign country, the more we realize how little we actually know about the culture of that country. Books and talks  about other people's culture can be dangerous because they concentrate on culture differences and exaggerate national characteristics; sometimes a lot of the information they include is untrue.  Ques 4:  **A. be aware in** — **nhận thức về** (không tự nhiên trong ngữ cảnh này) **B. learn** — **học hỏi** **C. master** — **làm chủ** **D. be aware** — **nhận thức** | Khám phá trái tim sôi động của Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh! Hãy đắm mình trong những khu chợ nhộn nhịp, thưởng thức hương vị tuyệt vời của những món ăn đường phố ngon lành, và khám phá những địa danh lịch sử kể lại câu chuyện về thành phố năng động này. Từ những con hẻm duyên dáng ở Quận 1 đến vẻ đẹp uy nghi của Sông Sài Gòn, mỗi góc phố của Thành phố Hồ Chí Minh đều mời gọi bạn tham gia vào một hành trình khó quên. Hãy đến và trải nghiệm năng lượng và sự sôi động của thành phố lớn mạnh này!  Nhiều người nghĩ rằng họ có thể học được rất nhiều về văn hóa của một quốc gia nước ngoài chỉ bằng cách sống trong nền văn hóa đó. Tuy nhiên, điều này không nhất thiết là đúng. Thường thì, càng ở lâu trong một quốc gia nước ngoài, chúng ta càng nhận ra rằng mình biết rất ít về văn hóa của quốc gia đó. Sách vở và các bài nói chuyện về văn hóa của người khác có thể rất nguy hiểm vì chúng tập trung vào sự khác biệt văn hóa và phóng đại những đặc điểm dân tộc; đôi khi nhiều thông tin trong đó là không đúng sự thật.  Ques 5:  **A. However** — **Tuy nhiên** **B. While** — **Trong khi** **C. Therefore** — **Do đó** **D. Whereas** — **Trong khi đó** |  **Immerse** (v) — **Đắm chìm, hòa mình**   **Bustling** (adj) — **Nhộn nhịp, sôi động**   **Savor** (v) — **Thưởng thức, nếm**   **Delicious** (adj) — **Ngon lành, thơm ngon**   **Landmarks** (n) — **Địa danh, cột mốc**   **Dynamic city** (n) — **Thành phố năng động**   **Charming** (adj) — **Duyên dáng, quyến rũ**   **Alleyways** (n) — **Con hẻm, ngõ hẻm**   **District** (n) — **Quận, khu vực**   **Majestic** (adj) — **Hùng vĩ, uy nghi**   **Excitement** (n) — **Sự phấn khích, sự hào hứng**   **Thriving** (adj) — **Phát triển mạnh mẽ, thịnh vượng**   **Metropolis** (n) — **Thành phố lớn, đô thị lớn**   **a lot about** **(n)** — rất nhiều về   **simply by** — chỉ bằng (giới từ "by" kết hợp với trạng từ "simply")   **necessarily (adv)** — nhất thiết   **foreign country (n)** — đất nước nước ngoài   **how little (adv)** — ít như thế nào(dùng để chỉ mức độ)   **actually (adv)** — thực ra   **exaggerate** **(v)** — phóng đại   **characteristics** **(n)** — đặc điểm   **include (v)** — bao gồm  Ques 6:  **A. concentrate in** — **tập trung vào một không gian hoặc địa điểm cụ thể** **B. concentrate on** — **tập trung vào** |

**Đoạn 3 [(Phạm Liễu) TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU - ĐĂK LĂK -> from 7 to 12]**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cooper's Hill Cheese-Rolling is a unique and thrilling festival held annually in Gloucestershire, England. This quirky event **takes place** on the steep Cooper's Hill, where participants chase a round of Double Gloucester cheese down the slope. Once the cheese is released from the top of the hill, competitors are supposed to sprint after it, trying to catch it or at least reach the bottom first. The cheese can reach speeds of up to 70 miles per hour, making the chase both exhilarating and dangerous. The first person to cross the finish line at the bottom wins the cheese. The event, rooted in local tradition, attracts visitors from around the world, eager to witness or participate in the madness. Despite its risks frequent tumbles and injuries, the Cooper's Hill Cheese-Rolling festival continues to be a beloved and iconic celebration of eccentric British culture.  Ques 8:  **A. takes after** — **Giống ai đó**  (Thường dùng để nói về việc có những đặc điểm giống với một người khác, đặc biệt là trong gia đình).  **B. takes place** — **Diễn ra** (Dùng để chỉ sự kiện, hành động xảy ra tại một thời điểm hoặc địa điểm cụ thể).  **C. takes part in** — **Tham gia vào** (Dùng để chỉ hành động tham gia vào một hoạt động hoặc sự kiện).  **D. takes turn** — **Luân phiên** (Chỉ hành động thay đổi lượt trong một hoạt động nhóm, mỗi người hoặc mỗi bên có một lượt). | Lễ hội Cuộc đua Phô mai Cooper's Hill là một sự kiện độc đáo và hồi hộp, được tổ chức hàng năm tại Gloucestershire, Anh. Sự kiện kỳ quặc này diễn ra trên đồi Cooper's Hill dốc, nơi các thí sinh đuổi theo một miếng phô mai Double Gloucester lăn xuống dốc. Một khi miếng phô mai được thả từ đỉnh đồi, các đối thủ sẽ phải chạy đua theo nó, cố gắng bắt kịp hoặc ít nhất là đến đích trước. Miếng phô mai có thể đạt tốc độ lên tới 70 dặm mỗi giờ, khiến cuộc đua trở nên vừa phấn khích vừa nguy hiểm. Người đầu tiên vượt qua vạch đích ở dưới đáy sẽ giành chiến thắng và nhận miếng phô mai. Sự kiện này, có nguồn gốc từ truyền thống địa phương, thu hút du khách từ khắp nơi trên thế giới, những người háo hức chứng kiến hoặc tham gia vào sự điên cuồng này. Mặc dù có những rủi ro, sự ngã nhào và chấn thương thường xuyên, lễ hội Cuộc đua Phô mai Cooper's Hill vẫn tiếp tục là một lễ hội được yêu mến và là biểu tượng của nền văn hóa lập dị của người Anh.  Ques 9:  **A. mustn't** — **Không được phép** (Diễn tả sự cấm đoán hoặc không được phép làm điều gì đó).  **B. are supposed to** — **Được cho là phải** (Diễn tả sự kỳ vọng hoặc yêu cầu, theo nghĩa là ai đó nên làm điều gì đó).  **C. should have** — **Lẽ ra đã phải** (Diễn tả một hành động mà lẽ ra phải làm trong quá khứ, nhưng không thực hiện).  **D. can’t** — **Không thể** (Diễn tả sự không khả thi hoặc sự hạn chế). | 1. **Cooper's Hill Cheese-Rolling** **(n)** — **Lễ hội Cuộc đua Phô mai Cooper's Hill** 2. **Thrilling** **(adj)** — **Hồi hộp, kích thích** 3. **Held** **(v)** — **Được tổ chức** (Quá khứ phân từ của động từ "hold") 4. **Quirky** **(adj)** — **Lạ, kỳ quặc** 5. **Steep** **(adj)** — **Dốc** 6. **Participant (n)** — **Người tham gia** 7. **Chase (n**/**v)** — **Sự đuổi bắt** 8. **a round of** **(n)** — **Một miếng (phô mai)** / **Một vòng** 9. **Slope** **(n)** — **Dốc, sườn đồi** 10. **Once** **(conj/adv)** — **Một khi, khi** 11. **released from (v)** — **Được thả ra từ** 12. **the top of (n)** — **Đỉnh của** 13. **Competitors** **(n)** — **đối thủ, người tham gia thi đấu** 14. **at least** **(adv)** — **Ít nhất** 15. **Reach** **(v)** — **Đạt được, chạm tới** 16. **Exhilarating** **(adj)** — **Phấn khích, làm hào hứng** 17. **Bottom** **(n)** — **Đáy, dưới cùng** 18. **rooted in** **(v)** — **nguồn gốc từ, bắt nguồn từ** 19. **eager to** **(adj)** — **Hào hứng muốn** 20. **Witness** **(n/v)** — **Chứng kiến** 21. **Participate** **(v)** — **Tham gia** 22. **Madness** **(n)** — **Sự điên cuồng, sự mất kiểm soát** 23. **Tumbles** **(n)** — **Sự ngã, sự lộn nhào** 24. **Injury** **(n)** — **Chấn thương** 25. **Beloved (adj)** — **Yêu mến, được yêu quý** 26. **Iconic** **(adj)** — **Biểu tượng, mang tính biểu tượng** 27. **Eccentric**  **(adj)** — **Kỳ lạ, lập dị**   Ques 12:  **A. Due to** — **Do** (Dùng để chỉ nguyên nhân hoặc lý do của một hành động hoặc sự việc).  **B. Despite** — **Mặc dù** (Diễn tả sự đối lập, nghĩa là điều gì đó vẫn xảy ra mặc dù có sự cản trở hoặc khó khăn).  **C. On account of** — **Vì lý do** (Cũng dùng để chỉ nguyên nhân hoặc lý do, tương tự như "due to").  **D. Instead of** — **Thay vì** (Dùng để chỉ sự thay thế, nghĩa là làm điều này thay vì điều kia). |

**Đoạn 3 [(Phạm Liễu) TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU - ĐĂK LĂK -> from 13 to 20]**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nomophobia, short for "no-mobile-phone phobia," is a modern phenomenon that affects many people in today's digital age.  What is nomophobia? It is the irrational fear of being without one's mobile phone or being unable to use it. This condition can cause anxiety and distress, and it highlights the profound impact mobile devices  have on our lives. The fear of losing or being separated from one's phone is a growing concern. Some common situations that trigger nomophobia include misplacing one's phone, running out of battery, or losing network signal. The fear intensifies when people imagine not having their phones to contact friends  and family, access the internet, or use GPS for navigation.  Who easily suffers from nomophobia? Nomophobia is not limited to any age group and can affect individuals of all backgrounds. It often becomes evident when people experience panic or anxiety when they forget their phones at home or are unable to use them temporarily. Symptoms may include restlessness,  rapid heartbeat, sweating, and a sense of insecurity.  The roots of nomophobia lie in the convenience and connectedness that mobile phones provide. These  devices have become integral to our daily lives, serving as not just communication tools but also cameras,  entertainment hubs, personal organizers, and more. This dependence on mobile phones can lead to a feeling  of vulnerability when separated from them. |  |  |

**Đoạn 4 [(Phạm Liễu) TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU - ĐĂK LĂK -> from 21 to 25]**

* + Kỹ năng tham khảo:

Ques 22:

 (Lời mở đầu và giới thiệu về lời mời tham gia sự kiện.)

 (Mô tả về sự kiện để làm tăng sự hấp dẫn.)

 (Khuyến khích người nhận tham gia và mời họ mang theo người khác.)

 (Thể hiện sự mong đợi và niềm vui khi người nhận tham gia.)

 (Yêu cầu phản hồi để đảm bảo chỗ ngồi.)

 (Lời kết thúc thân thiện, khuyến khích người nhận tham gia.)

Ques 23:

 (Lời mở đầu cho phàn nàn)

 (Cụ thể về vấn đề với món ăn)

 (Mô tả vấn đề với việc sắp xếp chỗ ngồi)

 (Tổng kết lại sự không hài lòng)

 (Yêu cầu giải quyết và khắc phục)